

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
TỈNH AN GIANG

Số: 210/QĐ-CTHADS

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc xác định số liệu xác định cắt giảm kinh phí và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH AN GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-CTHADS ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự về việc xác định số liệu xác định cắt giảm kinh phí và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

**QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1: Công bố công khai số liệu xác định cắt giảm kinh phí và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3: Chánh Văn phòng, Phụ trách kế toán Hành chính Cục Thi hành án dân sự tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Trang TTĐT Cục,
- Lưu: VT.



CỤC TRƯỞNG

Lâm Phước Nghĩa



Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

**Đơn vị: Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang**

**Chương 14**

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 210/QĐ-CTHADS ngày 24/8/2021 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh An Giang)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*Đvt: đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>A</b>	<b>(Loại 340-Khoản 341)</b>	<b>(70.842.000)</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	(17.842.000)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(53.000.000)
	<b>B Dự toán chi từ nguồn phí THA</b>	<b>(11.911.000)</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	(9.171.000)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(2.740.000)